TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 18-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quốc.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:*** *Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-DS ngày 17/01/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-DS ngày 13/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS ngày 31/5/2019; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Quỹ tín dụng nhân dân T**; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **A**, sinh năm 1946; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **N**, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Chức vụ: Giám đốc điều hành quỹ tín dụng (theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2019).

* *Bị đơn:* Anh **L**, sinh năm 1990 và bà **P**, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Ông N có mặt; anh L và bà P vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án*

nguyên đơn trình bày: Theo hợp đồng tín dụng số 34.509 ngày 29/12/2017 anh L và bà P vay của Quỹ tín dụng nhân dân T (sau đây gọi tắc là Quỹ tín dụng) số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng tính từ ngày 29/12/2017 đến 29/12/2020. Trả vốn hàng tháng là 1.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ gốc cuối cùng là 15.000.000 đồng; lãi suất trong hạn là 1,2%/tháng. Trong thời gian vay vốn anh L và bà P chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng. Quỹ tín dụng yêu cầu anh L và bà P trả nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/01/2019 là 7.536.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Quỹ tín dụng yêu cầu anh L và bà P trả nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử (18/6/2019) là 10.574.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Tiền lãi Quỹ tín dụng chỉ tính theo lãi suất trong hạn, không tính lãi quá hạn.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh L và bà P đã được Tòa án triệu tập hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng anh L, bà P đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh L cùng bà P ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Quỹ tín dụng, nhưng không thực hiện việc thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là tranh hợp đồng tín dụng.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 29/12/2017 anh L và bà P ký hợp đồng tín dụng số 34.509 với Quỹ tín dụng nhân dân T để vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 1,2%/tháng, lãi nợ quá hạn là 1,8%/tháng. Trả nợ gốc định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là 15.000.000 đồng. Việc vay nợ không có thế chấp tài sản mà chỉ bảo đảm trả nợ bằng tiền lương của anh L. Khi vay nợ, anh L công tác tại Ủy ban nhân dân T nên khi thực hiện hợp đồng vay nợ có xác nhận của cơ quan và công đoàn nơi anh L công tác.

Tuy nhiên, từ khi được giải ngân cho đến nay anh L và bà P không đóng lãi và cũng không thanh toán nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết. Hiện nay anh L cũng đã

nghỉ việc, không còn công tác tại Ủy ban nhân dân T, nhưng vẫn không thanh toán tiền vay cho Quỹ tín dụng.

Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng bị đơn đều cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn là Quỹ tín dụng đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh L và bà P vay của Quỹ tín dụng 50.000.000 đồng và theo hợp đồng có thỏa thuận lãi suất không vượt mức quy định; anh L, bà P không có ý kiến phản bác gì. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh L và bà P cùng liên đới trả số nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi đến ngày 18/6/2019 là 10.574.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Sau khi án có hiệu lực, anh L và bà P không trả nợ thì Quỹ tín dụng có quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký.

[6] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của Quỹ tín dụng được chấp nhận nên anh L và bà P phải liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ 60.574.000 đồng cho Quỹ tín dụng. Như vậy anh L và bà P phải liên đới chịu án phí là 3.028.000 đồng.

Quỹ tín dụng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân T đối với anh L và bà P; buộc anh L và bà P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 60.574.000 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng); trong đó: Nợ

gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và nợ lãi đến ngày 18/6/2019 là 10.574.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Quỹ tín dụng có quyền tiếp tục tính lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 34.509 ngày 29/12/2017 giữa Quỹ tín dụng nhân dân T với anh L và bà P, kể từ ngày 19/6/2019 đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh L và bà P cùng liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.028.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.438.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002269 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận